

Số: 3910/QĐ-UBND

Quận 8, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8
năm học 2024 - 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về phê duyệt và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025 tại Tờ trình số 1382/TTr-HĐTD ngày 23 tháng 8 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025, trong đó có 94 thí sinh trúng tuyển và 376 thí sinh không trúng tuyển (đính kèm kết quả kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8, Phòng Nội vụ Quận 8, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục thông báo kết quả đến thí sinh, thực hiện tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển có tên trong danh sách nêu trên theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 8, Trưởng phòng Nội vụ Quận 8, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP (C,PVP,H.Linh);
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thanh Sang



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2024 - 2025
(đính kèm Quyết định số 3910/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
1	Hồ Thị Mỹ	Duyên		1999	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Bình Minh			81	81	Trúng tuyển
2	Đỗ Thị Xuân			1997	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Bình Minh				Vắng	Không trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Hồng Phúc			1981	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Bình Minh	Con thương binh	5	67	72	Không trúng tuyển
4	Lê Nguyễn Anh Thuy			1999	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Hòa Mi			67	67	Không trúng tuyển
5	Nguyễn Nhị Kiều			1981	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Hòa Mi			83	83	Trúng tuyển
6	Hà Vịnh San			2002	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Hòa Mi	DT Hoa	5	65	70	Không trúng tuyển
7	Nguyễn Thị Thanh Hoa			1998	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Hoa Phượng			66	66	Không trúng tuyển
8	Nguyễn Thị Mộng Lượng			1994	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Hoa Phượng			80	80	Trúng tuyển
9	Trần Thị Phương Thảo			1995	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Hoa Phượng			70	70	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
10	Lý Phương Thảo		2000	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng			75	75	Không trúng tuyển	
11	Ung Thị Bích Vân		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng			79	79	Không trúng tuyển	
12	Nguyễn Thị Thu Linh		1995	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng			77	77	Không trúng tuyển	
13	Lê Nguyễn Nhật Quỳnh		1982	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng			73	73	Không trúng tuyển	
14	Nguyễn Thị Hồng My		1996	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Kim Đồng	Con thương binh	5	81	86	Trúng tuyển	
15	Huỳnh Thị Ngọc Hương		1996	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa			70	70	Không trúng tuyển	
16	Lê Thị Tú Anh		1986	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa			65	65	Không trúng tuyển	
17	Hoàng Phạm Yến Nhi		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa			81	81	Trúng tuyển	
18	Nguyễn Thị Diễm Chi		1993	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa			79	79	Trúng tuyển	
19	Mai Thị Minh Tâm		1986	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa			69	69	Không trúng tuyển	
20	Dư Thùy Ngân		1992	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa					Không trúng tuyển	
21	Vũ Thị Kiều Diễm		1995	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Hoa					Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
22	Thái Thảo		2002	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ				Vắng	Không trúng tuyển
23	Trần Thị Mỹ		1992	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			66	66	Không trúng tuyển
24	Nguyễn Thủy Triều		1998	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			76	76	Không trúng tuyển
25	Chế Ngọc Hương		1992	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			81	81	Không trúng tuyển
26	Nguyễn Thị Thúy		1992	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			65	65	Không trúng tuyển
27	Phạm Thị Tuyết		1997	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			70	70	Không trúng tuyển
28	Tô Yến		1993	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ	DT Hoa	5		Vắng	Không trúng tuyển
29	Nguyễn Hà		1997	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			85	85	Trúng tuyển
30	Nguyễn Hoàng Kim		1998	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ				Vắng	Không trúng tuyển
31	Lê Hoàng		2000	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ				Vắng	Không trúng tuyển
32	Mai Hồng		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			83	83	Trúng tuyển
33	Nguyễn Yến		1999	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			66	66	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
34	Nguyễn Vũ Huyền		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			66	66	Không trúng tuyển
35	Lê Thị Mỹ		2001	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			70	70	Không trúng tuyển
36	Nguyễn Thị Lệ		1984	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ				Vắng	Không trúng tuyển
37	Vương Thị Ngọc		1988	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ	DT Hoa	5	70	75	Không trúng tuyển
38	Nguyễn Thị Trường		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			73	73	Không trúng tuyển
39	Trần Thị Hồng		2003	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			75	75	Không trúng tuyển
40	Lê Thị Minh		1999	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ				Vắng	Không trúng tuyển
41	Trần Thị Phượng		1988	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Tuổi Thơ			68	68	Không trúng tuyển
42	Nguyễn Vũ Hoàn		2002	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Thỏ Ngọc			66	66	Không trúng tuyển
43	Trần Thị Bích		1991	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Thỏ Ngọc			83	83	Trúng tuyển
44	Lê Huỳnh Kim		2002	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Thỏ Ngọc			67	67	Không trúng tuyển
45	Nguyễn Trương Ngọc		2000	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh			79	79	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
46	Trần Thị Cẩm		Nhung	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh			70	70	Không trúng tuyển
47	Nguyễn Thị Thanh		Vy	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh				Vắng	Không trúng tuyển
48	Đặng Thị Kim		Chi	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh				Vắng	Không trúng tuyển
49	Nguyễn Thị Mỹ		Hoài	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh				Vắng	Không trúng tuyển
50	Nguyễn Thị Thanh		Thúy	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh			83	83	Trúng tuyển
51	Trần Thị Linh		Trần	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh			65	65	Không trúng tuyển
52	Phạm Thị Ngọc		Linh	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vàng Anh			65	65	Không trúng tuyển
53	Ngô Ngọc		Thư	CĐ	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vườn Hồng			79	79	Trúng tuyển
54	Đinh Thị Huỳnh		Như	CĐ	Sư phạm mầm non	Giáo viên mầm non	Vườn Hồng			69	69	Không trúng tuyển
55	Vũ Thị		Thúy	ĐH	Giáo dục mầm non	Giáo viên mầm non	Vườn Hồng			66	66	Không trúng tuyển
56	Nguyễn Thị Tâm		Duyên	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên Tiểu học dạy môn Âm nhạc	Vàm Cỏ Đông				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
57	Lê Văn	1986	Tân	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên Tiểu học dạy môn Âm nhạc	Vàm Cỏ Đông		55	55	Trúng tuyển
58	Phạm Thị Mỹ		2000	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học dạy môn Mỹ thuật	Ấu Dương Lân		69.33	69.33	Trúng tuyển
59	Nguyễn Thời	1991	Huy	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học dạy môn Mỹ thuật	Ấu Dương Lân		66	66	Không trúng tuyển
60	Đặng Thị Thanh		1984	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học dạy môn Mỹ thuật	Nguyễn Nhược Thị			Vắng	Không trúng tuyển
61	Phạm Thị Quỳnh		1990	Kỹ sư	Công nghệ thông tin, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiểu học dạy môn Tin học	Hoàng Minh Đạo		55	55	Trúng tuyển
62	Nguyễn Thị Hồng		1978	ĐH	Công nghệ thông tin, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiểu học dạy môn Tin học	Nguyễn Công Trứ		76	76	Trúng tuyển
63	Thái Vĩnh	1999	Lộc	Kỹ sư CNTT	Công nghệ thông tin, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên Tiểu học dạy môn Tin học	Hồng Đức	DT Hoa	76.33	81.33	Trúng tuyển
64	Nguyễn Thành	1999	Vinh	ĐH	Sư phạm tin học	Giáo viên Tiểu học dạy môn Tin học	Bông Sao		60	60	Trúng tuyển
65	Lý Thị Phương		1989	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học Tổng phụ trách đội	Vàm Cỏ Đông		63.66	63.66	Trúng tuyển
66	Huỳnh Thị Cẩm		2001	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học Tổng phụ trách đội	Tuy Lý Vương		71	71	Trúng tuyển
67	Lý Hồng		1994	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học Tổng phụ trách đội	Rạch Ông		70.66	70.66	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
68	Đỗ Huỳnh Đăng	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Phan Đăng Lưu			70.33	70.33	Không trúng tuyển
69	Châu Nguyễn Hoàng		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Phan Đăng Lưu			71.66	71.66	Trúng tuyển
70	Trần Hoàng	2000		ĐH	Giáo dục tiểu học	An Phong			71.66	71.66	Không trúng tuyển
71	Phùng Thị Hoài		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	An Phong			75.66	75.66	Trúng tuyển
72	Bùi Thị Ánh		1996	ĐH	Giáo dục tiểu học	Bùi Minh Trục			70	70	Không trúng tuyển
73	Huỳnh Thị Kim		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Bùi Minh Trục			65.33	65.33	Không trúng tuyển
74	Nguyễn Thụy Huyền		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Bùi Minh Trục			60	60	Không trúng tuyển
75	Trần Thị Thảo		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Bùi Minh Trục			61.66	61.66	Không trúng tuyển
76	Nguyễn Hoàng Mỹ		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Bùi Minh Trục			74.66	74.66	Không trúng tuyển
77	Bành Ngọc Lan		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Bùi Minh Trục	DT Hoa	5	64.33	69.33	Không trúng tuyển
78	Lê Bình Phương		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Bùi Minh Trục			80.33	80.33	Trúng tuyển
79	Trần Nguyễn Minh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Bùi Minh Trục			68.66	68.66	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành					
80	Huỳnh Thanh	Hùng	1990		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục		65.66	Không trúng tuyển
81	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu		1995	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục		77.33	Trúng tuyển
82	Lý Thảo	Đào	1995		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục	5	71.66	Không trúng tuyển
83	Lê Ngọc Khánh	Nhi	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục		65.33	Không trúng tuyển
84	Lưu Yến	Yến	2000		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục		67	Không trúng tuyển
85	Trần Thị Kim	Thơ	2001		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục		Vắng	Không trúng tuyển
86	Đinh Thy	Khoa	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục		Vắng	Không trúng tuyển
87	Lê Bảo Ngọc	Uyên	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Bùi Minh Trục		65.33	Không trúng tuyển
88	Nguyễn Hà	Vy	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hồng Đức	5	Vắng	Không trúng tuyển
89	Đặng Thị Thanh	Trần	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hồng Đức		79.66	Trúng tuyển
90	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	2001		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hưng Phú		82	Trúng tuyển
91	Lý Minh	Như	2001		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hưng Phú		69.33	Không trúng tuyển
92	Nguyễn Võ Quang	Tín	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hưng Phú		64.66	Không trúng tuyển
93	Mai Lê Phương	Trinh	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hưng Phú		65.66	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
94	Hồ Thị Kiều	Nhi		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Hưng Phú			63.66	63.66	Không trúng tuyển
95	Trần Thị Ngọc	Thảo		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Lưu Hữu Phước			80	80	Trúng tuyển
96	Nguyễn Thị Dung	Hòa		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Lưu Hữu Phước			70	70	Không trúng tuyển
97	Nguyễn Thị	Nga		1985	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Lý Nhân Tông			78.66	78.66	Trúng tuyển
98	Văn Thị Ngọc	Dung		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Lý Nhân Tông			75.66	75.66	Không trúng tuyển
99	Nguyễn Thị Ngọc	Hường		1979	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Lý Nhân Tông	Con thương binh	5	70	75	Không trúng tuyển
100	Trần Huệ	Linh		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Nhựt Thị	DT Hoa	5	71.33	76.33	Không trúng tuyển
101	Phạm Thị Thanh	Trúc		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Nhựt Thị			70	70	Không trúng tuyển
102	Huỳnh Như	Quỳnh		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Nhựt Thị			78	78	Trúng tuyển
103	Hồ Thị Phương	Loan		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Công Trứ			64.66	64.66	Không trúng tuyển
104	Từ Phương	Tâm		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Công Trứ	DT Hoa	5	70.33	75.33	Trúng tuyển
105	Nguyễn Phương	Trang		1997	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Công Trứ			61	61	Không trúng tuyển
106	Trương Tuyết	Vân		1997	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Công Trứ			60.66	60.66	Không trúng tuyển
107	Dương Quỳnh	Như		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Công Trứ			67	67	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
108	Phạm Ngọc Diễm		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			80.66	80.66	Trúng tuyển
109	Trần Thị Kim		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			81.33	81.33	Trúng tuyển
110	Nguyễn Thị Nhá		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			77.33	77.33	Không trúng tuyển
111	Lê Thanh		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn				Vắng	Không trúng tuyển
112	Nguyễn Thị Bích		1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			60.33	60.33	Không trúng tuyển
113	Lê Huỳnh Thanh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			82.66	82.66	Trúng tuyển
114	Trần Thị Cẩm		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			75.33	75.33	Không trúng tuyển
115	Nguyễn Xuân Thanh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			78.66	78.66	Không trúng tuyển
116	Võ Thị Ngọc		1994	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			64.66	64.66	Không trúng tuyển
117	Phan Huỳnh Nhật		1994	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			61.33	61.33	Không trúng tuyển
118	Bạch Thị Thanh		1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn				Vắng	Không trúng tuyển
119	Lê Thị Hà		1997	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn				Vắng	Không trúng tuyển
120	Trương Thị		1987	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn		5		Vắng	Không trúng tuyển
121	N'Jan		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn	DT Mường	5	60.66	65.66	Không trúng tuyển
122	Trần Thị Như		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn	DT Kơ Ho		66	66	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
123	Trần Thanh Thùy		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			62.33	62.33	Không trúng tuyển
124	Lương Thị Thu		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn			60.33	60.33	Không trúng tuyển
125	Nguyễn Thị Mỹ		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn				Vắng	Không trúng tuyển
126	Trần Quốc	1987		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trung Ngạn	Con bệnh binh	5	60	65	Không trúng tuyển
127	Huỳnh Hiếu		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			71	71	Không trúng tuyển
128			2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục	DT Chăm	5	80.33	85.33	Trúng tuyển
129	Phạm Thị Phương		1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			70.33	70.33	Không trúng tuyển
130	Nguyễn Lê Phương		1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
131	Lương Phương		1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			63.33	63.33	Không trúng tuyển
132	Hoàng Thị Thanh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			60	60	Không trúng tuyển
133	Nguyễn Kim		1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			53.33	53.33	Không trúng tuyển
134	Lê Thị Xuân		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			72.66	72.66	Không trúng tuyển
135	La Mai Thanh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			60.33	60.33	Không trúng tuyển
136	Phan Thị Tuyết		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			70.33	70.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
137	Lê Tường	Vy		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			72	72	Không trúng tuyển
138	Phạm Thị	Huỳnh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			68.66	68.66	Không trúng tuyển
139	Đoàn Lê Ngọc	Vân		1986	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
140	Nguyễn Phương	Huỳnh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
141	Huỳnh Lê Hạ	Vy		2000	ĐH	Sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			78	78	Trúng tuyển
142	Võ Bùi Hồng	Phương		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
143	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			64.66	64.66	Không trúng tuyển
144	Mai Thị Diễm	Quỳnh		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			67.66	67.66	Không trúng tuyển
145	Đoàn Nguyễn Trâm	Anh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
146	Phạm Nguyễn Phương	Uyên		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			74.66	74.66	Không trúng tuyển
147	Huỳnh Thị Ngoan	Em		1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			62.66	62.66	Không trúng tuyển
148	Nguyễn Bá Minh	Hà		1978	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
149	Huỳnh Thị Bích	Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			71.33	71.33	Không trúng tuyển
150	Bùi Thị Minh Huyền	Trang		1987	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục				Vắng	Không trúng tuyển
151	Hà Thị Kim	Khánh		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Nguyễn Trục			65.33	65.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
152	Trần Thị Diễm		2002	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm			Vắng	Không trúng tuyển
153	Nguyễn Thành Vũ	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao		80.66	80.66	Trúng tuyển
154	Trần Ngọc	1997		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo		78	78	Không trúng tuyển
155	Lý Phương	2000		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao		79.66	79.66	Không trúng tuyển
156	Lê Hoàng	1994		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao			Vắng	Không trúng tuyển
157	Phan Gia	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm		79.66	79.66	Trúng tuyển
158	Nguyễn Thị Như		2001	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm		75.33	75.33	Không trúng tuyển
159	Nguyễn Văn	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm		78.33	78.33	Không trúng tuyển
160	Lưu Nguyễn Trọng	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo		66	66	Không trúng tuyển
161	Nguyễn Phan Ngọc		2000	ĐH	Sư phạm TĐTT	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Tuy Lý Vương			Vắng	Không trúng tuyển
162	Huỳnh Ngọc Thanh	2001		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Tuy Lý Vương			Vắng	Không trúng tuyển
163	Nguyễn Thị Thu		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Tuy Lý Vương		81.67	81.67	Trúng tuyển
164	Đoàn Nguyễn Như		1995	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng		79.33	79.33	Không trúng tuyển
165	Nguyễn Thị Kim		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			Vắng	Không trúng tuyển
166	Trần Thị Trúc		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng		74.33	74.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
167	Trần Như		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			75	75	Không trúng tuyển
168	Nguyễn Thị		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			86.33	86.33	Trúng tuyển
169	Trần Ngọc		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			77.33	77.33	Không trúng tuyển
170	Nguyễn Ngọc Tháo		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			75	75	Không trúng tuyển
171	Nguyễn Thị Quỳnh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			71	71	Không trúng tuyển
172	Phạm Ngọc Hà		1987	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			82.33	82.33	Không trúng tuyển
173	Nguyễn Ngọc Minh		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			86.33	86.33	Trúng tuyển
174	Nguyễn Thị Minh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			74	74	Không trúng tuyển
175	Nguyễn Ái		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			69.67	69.67	Không trúng tuyển
176	Nguyễn Thị		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			80	80	Không trúng tuyển
177	Lê Như		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
178	Lê Bảo		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			74.67	74.67	Không trúng tuyển
179	Ngô Uyên		1997	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			78	78	Không trúng tuyển
180	Nguyễn Thị Ngọc		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
181	Nguyễn Ngọc Minh	Hậu		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng			74	74	Không trúng tuyển
182	Lâm Sang	Giàu	1994		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Thái Hưng	DT Hoa	5	69.67	74.67	Không trúng tuyển
183	Nguyễn Hữu Thiện	Ân	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			87	87	Trúng tuyển
184	Phạm Quỳnh	Chi		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			81.67	81.67	Không trúng tuyển
185	Nguyễn Phương	Đĩnh	1997		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			85.67	85.67	Không trúng tuyển
186	Phạm Đoàn Thanh	Như		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			70	70	Không trúng tuyển
187	Bùi Thị Kiều	Dương		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			73	73	Không trúng tuyển
188	Nguyễn Thị Hải	Hậu		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			75	75	Không trúng tuyển
189	Nguyễn Ngọc	Huỳnh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân				Vắng	Không trúng tuyển
190	Lê Võ Gia	Hân		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			87.67	87.67	Trúng tuyển
191	Phan Thị	Thảo		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			80	80	Không trúng tuyển
192	Võ Gia	Hương		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			77.67	77.67	Không trúng tuyển
193	Đàm Thị Thu	Thom		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74	74	Không trúng tuyển
194	Quan Bảo	Nghi		1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân	DT Hoa	5	70	75	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
195	Phạm Ánh		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			68	68	Không trúng tuyển	
196	Lê Mạnh	1999		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74	74	Không trúng tuyển	
197	Sơn Nhã		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân	DT Khmer	5	83.67	88.67	Trúng tuyển	
198	Huỳnh Trần Mỹ		1998	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			70.33	70.33	Không trúng tuyển	
199	Phạm Lê Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74.67	74.67	Không trúng tuyển	
200	Hồ Thị Ngọc		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			78.67	78.67	Không trúng tuyển	
201	Đoàn Ngọc Trang		1995	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			68	68	Không trúng tuyển	
202	Lê Minh	2002		ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			80	80	Không trúng tuyển	
203	Lê Thị Ngọc		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân				Vắng	Không trúng tuyển	
204	Viên Mẫn		2001	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân	DT Hoa	5	70.67	75.67	Không trúng tuyển	
205	Nguyễn Phương Ngọc		2002	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74.67	74.67	Không trúng tuyển	
206	Nguyễn Việt		2000	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân				Vắng	Không trúng tuyển	
207	Trần Thúy		1999	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			65	65	Không trúng tuyển	
208	Đặng Thị Ngọc		1996	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74	74	Không trúng tuyển	
209	Trần Thị Thanh		1993	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân			74.67	74.67	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
210	Dương Cẩm	Lê		1996	ĐH	Giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy nhiều môn	Trần Nguyễn Hân				Vắng	Không trúng tuyển
211	Nguyễn Hoàng	Anh	1999		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			81.67	81.67	Không trúng tuyển
212	Đặng Thị Thu	Trâm		1987	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			87	87	Trúng tuyển
213	Ngô Thị Mỹ	Duyên		1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển
214	Đỗ Ngọc Chấn	Phong	1996		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2.5	79.67	82.17	Không trúng tuyển
215	Lê Kinh	Kha	1996		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển
216	Bùi Thị Hồng	Thị		1997	ĐH	Ngôn ngữ Anh, cao đẳng sư phạm tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			75.67	75.67	Không trúng tuyển
217	Bùi Thị	Dung		2000	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			69.33	69.33	Không trúng tuyển
218	Từ Trúc	Vy		1999	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiếng anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển
219	Huỳnh Thị Kim	Triều		1996	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
220	Bùi Thị Hồng	Loan	1978	ĐH	Ngôn ngữ Anh, cao đẳng sư phạm	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo					Vắng	Không trúng tuyển
221	Trần Thị Thanh	Mai	1994	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo	DT Hoa	5	77.67	82.67	Trúng tuyển	
222	Lê Mỹ Vân		1999	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo	DT Hoa	5			Vắng	Không trúng tuyển
223	Nguyễn Thị Cẩm Tú		1982	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Hoàng Minh Đạo			74	74	Không trúng tuyển	
224	Trương Trung Hiếu		1997	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên tiểu học dạy Tiếng Anh	Hồng Đức	Con thương binh	5	45.67	50.67	Không trúng tuyển	
225	Võ Thị Nhân		1993	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lưu Hữu Phước					Vắng	Không trúng tuyển
226	Trần Nguyễn Anh Thư		1995	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lưu Hữu Phước			69.33	69.33	Không trúng tuyển	
227	Trần Thị Thanh Tú		1988	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiếng anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lưu Hữu Phước			71	71	Trúng tuyển	
228	Phạm Thị Cẩm Tuyết		1995	ĐH	Sư phạm Anh	Giáo viên tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			70	70	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
		Nam	Nữ									
229	Lê Thị Thanh		1997	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			80	80	Trúng tuyển
230	Bùi Ý		2000	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông				Vắng	Không trúng tuyển
231	Lý Vinh	1982		ĐH	Anh văn, , chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông	DT Hoa	5		Vắng	Không trúng tuyển
232	Hoàng Thị		1992	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			76.33	76.33	Không trúng tuyển
233	Lê Thị Hoài		1999	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			77.67	77.67	Trúng tuyển
234	Phan Mai Hoài		1994	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông				Vắng	Không trúng tuyển
235	Nguyễn Thị Ngọc		1992	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Lý Nhân Tông			75.33	75.33	Không trúng tuyển
236	Nguyễn Hoàng Minh		1996	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Công Trứ				Vắng	Không trúng tuyển
237	Trần Thị Thu		2001	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Công Trứ			80	80	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
238	Phạm Trần Hoàng	Trâm	2002		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Trục			84.33	84.33	Trúng tuyển
239	Trần Xuân	Mai	1985		ĐH	Ngôn ngữ Anh, cử nhân giáo dục tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Trục			74.67	74.67	Không trúng tuyển
240	Đỗ Xuân	Tuyền	1996		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ tiếng Anh tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Trục			70	70	Không trúng tuyển
241	Trịnh Trọng	Nguyễn	2000		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Nguyễn Trục	DT Hoa	5	73	78	Không trúng tuyển
242	Phạm Thị	Thúy	1995		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Tuy Lý Vương			80	80	Trúng tuyển
243	Huỳnh Thị Quỳnh	Hương	1997		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Tuy Lý Vương			75	75	Không trúng tuyển
244	Bùi Hoàng	Oanh	1999		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Tuy Lý Vương			65	65	Không trúng tuyển
245	Đàm Thùy	Trang	2000		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Trần Danh Lâm			70	70	Không trúng tuyển
246	Phan Thị Mỹ	Trần	1999		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm tiểu học	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Trần Danh Lâm			70	70	Không trúng tuyển
247	Vũ Ngọc Thanh	Vân	2001		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học dạy Tiếng Anh	Trần Danh Lâm			80	80	Trúng tuyển
248	Trương Nguyễn Mạnh	Đình	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm			78.33	78.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
					Chuyên ngành								
			Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn (ĐH, CB, TC)							
249	Huỳnh Cao	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao					Vắng	Không trúng tuyển
250	Nguyễn Minh	2002		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo					Vắng	Không trúng tuyển
251	Huỳnh Phúc	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo			74.67		74.67	Không trúng tuyển
252	Nguyễn Lê Minh	1996		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo			80		80	Trúng tuyển
253	Đặng Thế	2000		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo	DT Hoa	5			Vắng	Không trúng tuyển
254	Huỳnh Công	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm					Vắng	Không trúng tuyển
255	Nguyễn Công	1993		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao			74		74	Không trúng tuyển
256	Lê Tấn	1981		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao					Vắng	Không trúng tuyển
257	Bùi Thùy		2002	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Trần Danh Lâm					Vắng	Không trúng tuyển
258	Nguyễn Thị Thu		2002	ĐH	Giáo viên thể dục	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Bông Sao					Vắng	Không trúng tuyển
259	Trần Thị Thủy		1997	ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên Tiểu học dạy Thể dục	Hoàng Minh Đạo				76.33	76.33	Không trúng tuyển
260	Lê Thị Cẩm		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			47		47	Không trúng tuyển
261	Nguyễn Thị		1998	ĐH	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng					Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
262	Bùi Thị Minh	Anh		1998	ĐH	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng	DT Mường	5	34	39	Không trúng tuyển
263	Nguyễn Thị Hà			1994	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
264	Trương Kim Long	Long	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			72	72	Trúng tuyển
265	Thái Ngọc Bích	Bích		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			60	60	Không trúng tuyển
266	Nguyễn Ngọc Bảo	Bảo	1999		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			60	60	Không trúng tuyển
267	Phạm Thị Huế			1995	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
268	Trương Thị Kiều	Trinh		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
269	Hà Kiều Anh	Anh		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
270	Phạm Thị Thúy Nhân	Nhân		1997	ĐH	Sư phạm sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
		Nam	Nữ									
271	Trần Thành	1995	Nhân	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			27	27	Không trúng tuyển
272	Dương Thị Văn		1994	ĐH	Sư phạm Sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Chánh Hưng			50	50	Không trúng tuyển
273	Lê Thị Mỹ Thanh		1991	ĐH	Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			62	62	Không trúng tuyển
274	Đặng Thị Thúy Kiều		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			47	47	Không trúng tuyển
275	Nguyễn Ngọc Mai Quỳnh		2000	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			60	60	Không trúng tuyển
276	Đỗ Anh Khuê	1992		Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			67	67	Trúng tuyển
277	Ngô Hoàng Thiện Khang	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
278	Nguyễn Đỗ Thùy Trang		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
279	Hồng Kiều My		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
280	Nguyễn Thị Phương Thi		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
281	Trần Minh	Tính	1987	ĐH	Sư phạm hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			0	Vắng	Không trúng tuyển	
282	Đoàn Thị Yến	Linh	1995	Thạc sĩ	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển	
283	Huỳnh Thị Kim	Trâm	1993	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			35	35	Không trúng tuyển	
284	Phạm Thị	Mây	1988	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			43	43	Không trúng tuyển	
285	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	2001	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển	
286	Trần Anh	Vũ	1998	ĐH	Sư phạm sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển	
287	Nguyễn Huyền Phong	Trình	1994	ĐH	Vật lý học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			45	45	Không trúng tuyển	
288	Nguyễn Thu	Thảo	2001	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Giáo viên THCS dạy KHTN	Lê Lai			70	70	Trúng tuyển	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)							
289	Nguyễn Thị Minh		1995	Thạc sĩ	Sư phạm Hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
290	Trần Ngọc		1995	ĐH	Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
291	Bạch Cẩm		2001	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Lê Lai			48	48	Không trúng tuyển
292	Lê Trần Gia		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Lê Lai			66	66	Không trúng tuyển
293	Hồ Nguyễn Bích		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Tùng Thiện Vương			68	68	Không trúng tuyển
294	Lê Hoàng	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Tùng Thiện Vương			53	53	Không trúng tuyển
295	Đặng Trần Bảo	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Tùng Thiện Vương			44	44	Không trúng tuyển
296	Trần Yến		2001	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Tùng Thiện Vương			55	55	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
297	Vũ Thị Hồng	Hà	1980	ĐH	Sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Tùng Thiện Vương	Con thương binh	5		Vắng	Không trúng tuyển
298	Nguyễn Văn Thành	Nam	2001	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Tùng Thiện Vương			65	65	Không trúng tuyển
299	Lại Võ Kim	Ý	2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Tùng Thiện Vương			75	75	Trúng tuyển
300	Vũ Hải	Nguyễn	1997	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Tùng Thiện Vương			60	60	Không trúng tuyển
301	Võ Thị Diễm	Hương	2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Tùng Thiện Vương				Vắng	Không trúng tuyển
302	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Tùng Thiện Vương				Vắng	Không trúng tuyển
303	Nguyễn Phi	Tuyền	1991	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh				Vắng	Không trúng tuyển
304	Nguyễn Văn	Vinh	2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh			53	53	Không trúng tuyển
305	Hà Văn	Đặng	1998	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh	DT Thái	5	43	48	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
306	Ung Thanh	1996		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh		78	78	78	Trúng tuyển
307	Vũ Kim		1995	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh		64	64	64	Không trúng tuyển
308	Nguyễn Thị		2001	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh		42	42	42	Không trúng tuyển
309	Phan Võ Thu		1994	ĐH	Sư phạm sinh học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh				Vắng	Không trúng tuyển
310	Trần Thị		2000	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh				Vắng	Không trúng tuyển
311	Trần Thị Diệu		2001	ĐH	Sư phạm hóa học, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh				Vắng	Không trúng tuyển
312	Hồng Vĩ	2002		ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh	DT Hoa	5	56	61	Không trúng tuyển
313	Nguyễn Thị Thanh		2001	ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh			70	70	Không trúng tuyển
314	Nguyễn Thị Thanh		2002	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh			52	52	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
315	Lâm Văn Cường	1998		ĐH	Sư phạm Vật lý, Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn khoa học tự nhiên	Trần Danh Ninh			40	40	Không trúng tuyển
316	Giang Huệ Phương		1999	ĐH	Sư phạm toán học	Bình An	DT Hoa	5	48	53	Không trúng tuyển
317	Bùi Thanh Hải	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Bình An			44	44	Không trúng tuyển
318	Sú Hoài Thanh		1994	Thạc sĩ	Toán học	Bình An	DT Nùng	5		Vắng	Không trúng tuyển
319	Huỳnh Ngọc Nhật	1997		Thạc sĩ	Toán, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Bình An			71	71	Trúng tuyển
320	Nguyễn Quốc Vinh Quang	2002		ĐH	Sư phạm Toán học	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
321	Ngô Nguyễn Quốc Bảo	2001		ĐH	Sư phạm Toán	Lê Lai			50	50	Không trúng tuyển
322	Lại Văn Giàu	1996		ĐH	Sư phạm Toán	Lê Lai			44	44	Không trúng tuyển
323	Lê Thị Minh Hương		1991	ĐH	Sư phạm toán	Lê Lai				Vắng	Không trúng tuyển
324	Phạm Nguyễn Đăng Huy	1997		ĐH	Sư phạm toán	Lê Lai			63	63	Không trúng tuyển
325	Trần Tuấn Dũng	1983		ĐH	Toán, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Lê Lai			70	70	Trúng tuyển
326	Nguyễn Thị Thanh Huyền		2001	ĐH	Sư phạm Toán	Lê Lai			55	55	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
327	Lê Mẫn		2000	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai			Vắng	Không trúng tuyển
328	Trần Minh	2001		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai		45	45	Không trúng tuyển
329	Trương Nam	1985		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lê Lai	Hoàn thành nghĩa vụ Quân sự	2.5	Vắng	Không trúng tuyển
330	Đồng Văn	1994		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông		42	42	Không trúng tuyển
331	Phạm Đỗ Tài	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			Vắng	Không trúng tuyển
332	Trương Cát Vy		2001	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông		78	78	Trúng tuyển
333	Nguyễn Hoàng Phúc	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông		49	49	Không trúng tuyển
334	Lý Nhật Bảo	2001		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			Vắng	Không trúng tuyển
335	Nguyễn Thế Nhân	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông		62	62	Không trúng tuyển
336	Nguyễn Hoàng Hải	1999		ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông		54	54	Không trúng tuyển
337	Trần Thị Cẩm Tiên		1995	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			Vắng	Không trúng tuyển
338	Cao Minh Thắng	2001		ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông		47	47	Không trúng tuyển
339	Nguyễn Thị Huyền Thương		2001	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Lý Thánh Tông			Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
340	Huỳnh Thanh		2002	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			43	43	Không trúng tuyển
341	Nguyễn Minh	1987		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh	Bộ đội xuất ngũ	2.5	40	42.5	Không trúng tuyển
342	Trương Anh	1993		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			33	33	Không trúng tuyển
343	Trần Minh	1992		ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh				Vắng	Không trúng tuyển
344	Lê Thị Lan		2002	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			40	40	Không trúng tuyển
345	Nguyễn Thành	1998		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			40	40	Không trúng tuyển
346	Nguyễn Trung	1996		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			55	55	Không trúng tuyển
347	Nguyễn Đình	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh				Vắng	Không trúng tuyển
348	Phạm Văn	1988		ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh			65	65	Trúng tuyển
349	Trần Kiến	2000		ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Sương Nguyệt Anh	DT Hoa	5	50	55	Không trúng tuyển
350	Lê Nguyễn Bảo		2000	ĐH	Sư phạm toán học	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh			30	30	Không trúng tuyển
351	Son Ngọc	1988		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh	DT Khome	5	68	73	Trúng tuyển
352	Lê Thị Thảo		1997	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh			65	65	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
353	Nguyễn Văn	1986		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh			Vắng	Không trúng tuyển
354	Phạm Hoàng		1994	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh		60	60	Không trúng tuyển
355	Bích Văn	1989		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh	5	62	67	Không trúng tuyển
356	Đỗ Thị Thanh		2001	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh			Vắng	Không trúng tuyển
357	Nguyễn Thị Kim		1978	ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh			Vắng	Không trúng tuyển
358	Nguyễn Trọng	2002		ĐH	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh			Vắng	Không trúng tuyển
359	Nguyễn Hồng		2002	ĐH	Sư phạm toán	Giáo viên THCS dạy môn Toán	Trần Danh Ninh			Vắng	Không trúng tuyển
360	Huỳnh Nguyễn	1989		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng	5	85	90	Trúng tuyển
361	Nguyễn Tiến	1998		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng		55	55	Không trúng tuyển
362	Phan Thanh	1999		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng		45	45	Không trúng tuyển
363	Huỳnh Phương	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng			Vắng	Không trúng tuyển
364	Nguyễn Huỳnh Minh	2001		ĐH	Giáo dục thể chất	Giáo viên THCS dạy thể dục	Chánh Hưng		70	70	Không trúng tuyển
365	Phạm Văn	1993		ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS dạy Âm nhạc	Bình Đông			Vắng	Không trúng tuyển
366	Lê Ái Xuân		1996	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS dạy Âm nhạc	Sương Nguyệt Anh			Vắng	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
				Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
367	Nguyễn Thị Diệu		2002	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS dạy Âm nhạc	Tùng Thiện Vương			63	63	Trúng tuyển
368	Nguyễn Duy Đoàn	2000		ĐH	Sư phạm âm nhạc	Giáo viên THCS dạy Âm nhạc	Lê Lai			70	70	Trúng tuyển
369	Huỳnh Thị Quỳnh		2000	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên THCS dạy môn Mỹ thuật	Sương Nguyệt Anh			75	75	Trúng tuyển
370	Nguyễn Tuấn Phi	2000		ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	Giáo viên THCS dạy môn Mỹ thuật	Phú Lợi			55	55	Trúng tuyển
371	Lê Thị Thanh Hương		1983	ĐH	Sư phạm KT Công nghiệp	Giáo viên THCS dạy môn Công nghệ	Sương Nguyệt Anh			55	55	Trúng tuyển
372	Nguyễn Thanh Tòng	1996		ĐH	Sư phạm Công nghệ	Giáo viên THCS dạy môn Công nghệ	Lê Lai			51	51	Trúng tuyển
373	Phan Thị Dung		1990	ĐH	Sư phạm Công nghệ	Giáo viên THCS dạy môn Công nghệ	Sương Nguyệt Anh				Vắng	Không trúng tuyển
374	Nguyễn Thị Ngọc Thanh		1999	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Bình Đông				Vắng	Không trúng tuyển
375	Trần Thị Hồng Thắm		1998	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Bình Đông			55	55	Không trúng tuyển
376	Huỳnh Bình Yến Linh		1999	ĐH	Sư phạm giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Bình Đông	DT Hoa	5		Vắng	Không trúng tuyển
377	Võ Thị Trúc Linh		2002	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Bình Đông			65	65	Trúng tuyển
378	Khâu Thị Kim Chúc		1997	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Tùng Thiện Vương	DT Khome	5	66	71	Không trúng tuyển
379	Lê Thúy Vân		2002	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Tùng Thiện Vương				Vắng	Không trúng tuyển
380	Tô Bảo Vy		2001	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Tùng Thiện Vương	DT Hoa	5	72	77	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
381	Đinh Thị Diễm		2002	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Tùng Thiện Vương			82	82	Trúng tuyển
382	Nguyễn Lê Hồng		2002	ĐH	Giáo dục chính trị	Giáo viên THCS dạy GDCD	Tùng Thiện Vương			58	58	Không trúng tuyển
383	Trương Tuấn	2002		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc				Vắng	Không trúng tuyển
384	Đoàn Lê Thanh	1992		Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc			80	80	Trúng tuyển
385	Vũ Hồng	1996		Cử nhân	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc			55	55	Không trúng tuyển
386	Nguyễn Thị Ngọc		1998	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc			65	65	Không trúng tuyển
387	Nguyễn Thị Ngọc		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc			76	76	Không trúng tuyển
388	Trần Thị Kiều		1996	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc		70		70	Không trúng tuyển
389	Nguyễn Thu		1990	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc				Vắng	Không trúng tuyển
390	Nguyễn Thu		2000	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc				Vắng	Không trúng tuyển
391	Nguyễn Thanh		2000	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Dương Bá Trạc			78	78	Không trúng tuyển
392	Nguyễn Thùy Ngọc		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình			77	77	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
393	Tạ Hoàng	1993		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình			51	51	Không trúng tuyển
394	Trần Hòa Nhật		2000	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình			60	60	Không trúng tuyển
395	Nguyễn Quỳnh		2001	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình				Vắng	Không trúng tuyển
396	Nguyễn Lâm Thủy		1996	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Khánh Bình			64	64	Không trúng tuyển
397	Nguyễn Minh	1994		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			65	65	Không trúng tuyển
398	Trương Thị Thanh		1978	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
399	Trần Huỳnh Tháo		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			55	55	Không trúng tuyển
400	Nguyễn Phạm Phương		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			75	75	Không trúng tuyển
401	Trương Nguyễn Ngọc		1988	ĐH	Ngữ văn Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			60	60	Không trúng tuyển
402	Lý Duy	1984		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông	DT Hoa	5	77	82	Trúng tuyển
403	Lâm Thanh		1994	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			41	41	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
404	Nguyễn Quốc Hưng	2002		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			63	63	Không trúng tuyển
405	Lê Trần Kim Hương		1999	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
406	Đàm Khánh Linh		2001	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
407	Nguyễn Lê Thủy Tiên		2001	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
408	Đinh Thị Huyền Diệu		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
409	Võ Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi		2000	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
410	Tăng Minh Tâm	1994		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			70	70	Không trúng tuyển
411	Nguyễn Phước Thiện	1989		ĐH	Ngữ văn Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			63	63	Không trúng tuyển
412	Nguyễn Thị Hồng Đào		1993	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			85	85	Trúng tuyển
413	Dương Kim Yến		1996	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông	DT Hoa	5	66	71	Không trúng tuyển
414	Võ Châu Huỳnh Anh		1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			62	62	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành					
415	Nguyễn Ngọc		2001	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh		62	62	Không trúng tuyển
416	Nguyễn Huy Loan		1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh			Vắng	Không trúng tuyển
417	Nguyễn Ngọc Minh	2000		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh			Vắng	Không trúng tuyển
418	Mai Ngọc Minh		2000	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh			Vắng	Không trúng tuyển
419	Phan Thị Thái		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh		67	67	Không trúng tuyển
420	Trần Thị Vân		1990	ĐH	Sư phạm tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh		48	48	Không trúng tuyển
421	Trương Trần Loan		1994	ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh		65	65	Không trúng tuyển
422	Trương Thị Thanh		1978	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh			Vắng	Không trúng tuyển
423	Đoàn Thị Hồng		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh			Vắng	Không trúng tuyển
424	Trịnh Minh		2002	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh		70	70	Không trúng tuyển
425	Nguyễn Yến		1990	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh			Vắng	Không trúng tuyển
426	Nguyễn Duy	2000		ĐH	Ngôn ngữ Anh, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh			Vắng	Không trúng tuyển
427	Nguyễn Hồng		1993	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh		65	65	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CB, TC)	Chuyên ngành							
428	Lê Đặng Thủy		1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông				Vắng	Không trúng tuyển
429	Nguyễn Thị Hà		1999	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giáo viên THCS dạy Tiếng Anh	Lý Thánh Tông			55	55	Không trúng tuyển
430	Lê Thị		1995	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng			70	70	Trúng tuyển
431	Nguyễn Trần Anh		2002	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng			67	67	Trúng tuyển
432	Bùi Thị Huệ		1994	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng			65	65	Không trúng tuyển
433	Nguyễn Thị Khánh		2002	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng			55	55	Không trúng tuyển
434	Vũ Tín	2002		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng				Vắng	Không trúng tuyển
435	Ngô Kim	1996		Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Giáo viên THCS dạy Văn	Chánh Hưng	DT Hoa	5		Vắng	Không trúng tuyển
436	Ngô Nguyễn		1997	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy môn Văn	Chánh Hưng			53	53	Không trúng tuyển
437	Nguyễn Thị Tuyết		1982	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS dạy môn Văn	Trần Danh Ninh			48	48	Không trúng tuyển
438	Huỳnh Thanh		1999	ĐH	Sư phạm lịch sử, chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lý	Giáo viên THCS Lịch sử - Địa lý	Bình An			55	55	Trúng tuyển
439	Hồng Thị Yến		1998	ĐH	Sư phạm lịch sử, chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lý	Giáo viên THCS Lịch sử - Địa lý	Bình An			65	65	Trúng tuyển
440	Lâm Gia		2002	ĐH	Sư phạm lịch sử- địa lý	Giáo viên THCS Lịch sử và địa lý	Sương Nguyệt Anh	DT Hoa	5	70	75	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
441	Cáp Thị	Vui		1984	ĐH	Hành chính học	Chuyên viên QTCS	Âu Dương Lân	Con thương binh	5	79	84	Trúng tuyển
442	Châu Ngọc Phương	Thảo		1999	ĐH	Quản lý nhà nước	Chuyên viên QTCS	Âu Dương Lân			78.5	78.5	Không trúng tuyển
443	Nguyễn Thị Hiệp			2000	Cử nhân	Chính trị học, chứng chỉ quản trị văn phòng và công tác văn thư - lưu trữ	Chuyên viên QTCS	Âu Dương Lân			78	78	Không trúng tuyển
444	Nguyễn Thụy Bích Thu	Thu		1990	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Chuyên viên QTCS	Âu Dương Lân				Vắng	Không trúng tuyển
445	Đào Ngọc Hà My	My		1999	ĐH	Luật Kinh tế	Chuyên viên QTCS	Âu Dương Lân			62.5	62.5	Không trúng tuyển
446	Nguyễn Tuấn Anh	Anh	1995		ĐH	Kế toán, chứng chỉ quản trị văn phòng và công tác văn thư - lưu trữ	Chuyên viên QTCS	Âu Dương Lân			78	78	Không trúng tuyển
447	Nguyễn Thị Dạ Hợp	Hợp		1998	ĐH	Quản lý nhà nước	Chuyên viên QTCS	Âu Dương Lân			75.5	75.5	Không trúng tuyển
448	Trương Thị Trang	Trang		2000	ĐH	Luật	Chuyên viên QTCS	Bình Đông	DT Thỏ	5	66.5	71.5	Không trúng tuyển
449	Lưu Thị Hoàng Ngân	Ngân		1999	ĐH	Quản lý nhà nước	Chuyên viên QTCS	Bình Đông				Vắng	Không trúng tuyển
450	Võ Thị Tuyết Nhung	Nhung		1991	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chuyên viên QTCS	Bình Đông			73	73	Trúng tuyển
451	Thái Thị Lệ Hiền	Hiền		1977	TC	Văn thư - Lưu trữ	Văn thư	Bình An			82	82	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Năm sinh		Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
			Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành							
452	Kim	Thịnh	1986		TC	Công tác xã hội, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư	Lý Thánh Tông			68	68	Trúng tuyển
453	Nguyễn Hạnh	Tâm		2001	ĐH	Quản lý giáo dục, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư	Vàng Anh			61	61	Không trúng tuyển
454	Lê Thị	Thảo		1990	TC	Văn thư - Lưu trữ	Văn thư	Bình Minh			58	58	Không trúng tuyển
455	Đỗ Tuấn	Kiệt	1987		ĐH	Tin học, chứng chỉ quản trị văn phòng và công tác văn thư - lưu trữ	Văn thư	Vàm Cỏ Đông	Sĩ quan dự bị	5	68	73	Trúng tuyển
456	Tô Cẩm	Vân		1985	ĐH	Kế toán, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư	Vàng Anh			61.5	61.5	Trúng tuyển
457	Trương Hồng	Ngọc		1982	TC	Văn thư - Lưu trữ	Văn thư	Việt Nhi			51	51	Không trúng tuyển
458	Lâm Thị Bích	Tuyền		1989	CĐ	Kế toán, Chứng chỉ nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư	Việt Nhi	Con thương binh	5	51	56	Trúng tuyển
459	Nguyễn Huỳnh Diễm	Phúc		1989	ĐH	Tâm lý giáo dục, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư - lưu trữ	Văn thư	Bình An			53.5	53.5	Không trúng tuyển
460	Quách Ngọc	Như		2001	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Bông Sen	Dân tộc Hoa	5	60	65	Không trúng tuyển
461	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu		1988	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Bông Sen			80	80	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Vị trí đăng ký dự tuyển ⁽¹⁾	Đơn vị dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành	Tổng điểm	Kết quả
		Nam	Nữ	Trình độ chuyên môn (ĐH, CĐ, TC)	Chuyên ngành						
462	Phan Thanh		1992	ĐH	Kế toán	Kế toán	Bông Sen	Con bệnh binh	5	Vắng	Không trúng tuyển
463	Nguyễn Ngọc Bích		2001	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Bông Sen			Vắng	Không trúng tuyển
464	Nguyễn Hữu	1998		ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Kế toán	Hy Vọng		50	50	Không trúng tuyển
465	Lý Ngọc Diễm		1986	ĐH	Kế toán	Kế toán	Hy Vọng		80	80	Trúng tuyển
466	Đào Ngọc Xuân	1989		ĐH	Kế toán	Kế toán	Hy Vọng			Vắng	Không trúng tuyển
467	Trần Thị Kim		1988	CĐ	Công nghệ thực phẩm, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tin - Thư viện	Thư viện	Trần Danh Ninh		70	70	Trúng tuyển
468	Trần Thị Mỹ		1997	ĐH	Truyền thông văn hóa, Chứng chỉ nghiệp vụ Thông tin - Thư viện	Thư viện	Lê Lai		75	75	Trúng tuyển
469	Nguyễn Thụy Mộng		1983	ĐH	Luật, chứng chỉ bồi dưỡng thư viện, thiết bị, trường học	Thư viện	Khánh Bình		64	64	Trúng tuyển
470	Huỳnh Thị Thanh		1991	TC	Thư viện thiết bị	Thư viện	Lê Lai		60	60	Không trúng tuyển

(1): THCS: Trung học cơ sở

KHTN: Khoa học tự nhiên;

GDGD: Giáo dục công dân;

QTCS: Quản trị công sở

TỜ TRÌNH

Về phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025

Kính gửi: Thường trực Ủy ban nhân dân Quận 8

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về phê duyệt và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3405/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025;

Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2023 - 2024 (viết tắt là Hội đồng tuyển dụng) thống nhất báo cáo kết quả xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2023 - 2024 như sau:

1. Về công tác tổ chức xét tuyển

a. Vòng 1 (kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển)

Từ ngày 10 đến 11 tháng 8 năm 2023, Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển đã tổ chức kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển của các thí sinh tại Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 (04 Dương Quang Đông, Phường 5, Quận 8). Kết quả như sau:

- Chỉ tiêu tuyển dụng: 133
- Số thí sinh nộp hồ sơ: 505
- Số thí sinh đủ điều kiện tham gia Vòng 2: 470
- Số thí sinh không đủ điều kiện tham gia Vòng 2: 35

Hội đồng tuyển dụng đã ban hành Thông báo số 1910/TB-HĐTD ngày 08 tháng 8 năm 2024 về triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng thực hành (Vòng 2) kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2024 - 2025.

b. Vòng 2 (Vòng Thực hành)

Từ ngày 14 đến 17 tháng 8 năm 2024, Ban kiểm tra sát hạch đã tổ chức cho các thí sinh dự xét tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, tại Trường Tiểu học Bùi Minh Trực, Quận 8. Kết quả như sau:

- Số thí sinh đủ điều kiện dự thi Vòng 2: 470
- Số thí sinh dự thi vòng 2: 341 (vắng 129 thí sinh)

2. Về xác định người trúng tuyển và kết quả tuyển dụng

2.1. Xác định người trúng tuyển

Theo quy định tại Điều 10 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) và Điều 12 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức:

“Điều 10. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 6 Nghị định này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người trúng tuyển là người đạt kết quả thi phần thi kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn (nếu có).

Trường hợp vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định người trúng tuyển.”

“Điều 12. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

1. Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức được thực hiện như quy định tại Điều 10 Nghị định này.

2. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.”

2.2. Về kết quả kỳ thi

Sau khi tổng hợp điểm thi của thí sinh từ Ban kiểm tra, sát hạch, đồng thời căn cứ nhu cầu chỉ tiêu cần tuyển của các đơn vị là 133 chỉ tiêu, Hội đồng tuyển dụng trình Thường trực Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8 ban hành quyết định công nhận kết quả kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8 năm học 2023 - 2024 như sau:

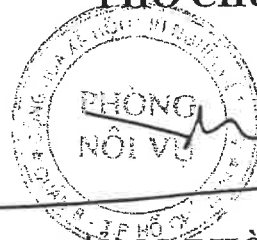
- 94 thí sinh trúng tuyển
- 376 thí sinh không trúng tuyển (trong đó có 129 thí sinh vắng mặt Vòng 2)

Hội đồng tuyển dụng kính trình Thường trực Ủy ban nhân dân Quận 8 xem xét, quyết định *(Đính kèm dự thảo văn bản và danh sách)*.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên Hội đồng;
- Ban giám sát;
- Lưu: VT, PNV *h*

TM. HỘI ĐỒNG THI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ
Trương Hoài Bảo

